

Số: 04 /HĐXTMN

Tuyên Hoá, ngày 18 tháng 8 năm 2019

NỘI QUY PHÒNG VẤN

Xét tuyển viên chức sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo bậc Mầm non huyện Tuyên Hoá năm 2019

Điều 1. Quy định đối với thí sinh

1. Phải có mặt trước phòng thi đúng giờ quy định. Trang phục gọn gàng, thể hiện văn minh, lịch sự.
2. Xuất trình Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc một trong các loại giấy tờ tùy thân hợp pháp khác để thành viên Ban Kiểm tra, sát hạch đối chiếu trước khi vào phòng phỏng vấn.
3. Ngồi đúng chỗ theo hướng dẫn của thành viên Ban Kiểm tra, sát hạch, để Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân lên mặt bàn để các thành viên Ban Kiểm tra, sát hạch kiểm tra.
4. Chỉ được mang vào phòng phỏng vấn bút viết, thước kẻ; không được mang vào phòng phỏng vấn điện thoại di động, máy ghi âm, máy ảnh, máy vi tính, các phương tiện kỹ thuật thu, phát truyền tin, phương tiện sao lưu dữ liệu, thiết bị chứa đựng, truyền tải thông tin khác và các loại giấy tờ, tài liệu có liên quan đến nội dung ôn tập phỏng vấn.
5. Thời gian chuẩn bị và trả lời câu hỏi phỏng vấn của mỗi thí sinh không quá 30 phút.
6. Chỉ sử dụng giấy nháp chuẩn bị phỏng vấn được phát để ghi nội dung chuẩn bị trả lời phỏng vấn. Phải ghi đầy đủ các mục trong giấy nháp chuẩn bị phỏng vấn. Giấy nháp chuẩn bị phỏng vấn phải có đủ chữ ký của các thành viên Ban kiểm tra, sát hạch. Giấy nháp chuẩn bị phỏng vấn không đủ chữ ký của các thành viên Ban Kiểm tra, sát hạch được xem là không hợp lệ.
8. Nội dung ghi trên giấy nháp phỏng vấn phải được viết bằng một loại mực có màu xanh hoặc màu đen. Không được sử dụng các loại mực màu khác, mực nhũ, mực phản quang, bút chì để ghi trên phiếu phỏng vấn.
9. Tuân thủ mọi hướng dẫn của thành viên Ban kiểm tra, sát hạch; giữ trật tự và không được hút thuốc hoặc sử dụng chất kích thích trong phòng phỏng vấn.
10. Không được trao đổi với người khác trong thời gian phỏng vấn, không được trao đổi giấy nháp chuẩn bị phỏng vấn, không được quay cốp tài

liệu hoặc có bất kỳ một hành động gian lận nào khác. Nghiêm cấm mọi hành vi sao chép, truyền tải thông tin có liên quan đến đề phỏng vấn ra ngoài phòng phỏng vấn hoặc nhận thông tin từ ngoài vào phòng phỏng vấn.

11. Nếu cần hỏi điều gì, phải hỏi công khai thành viên Ban kiểm tra, sát hạch.

12. Trong thời gian chuẩn bị và trả lời phỏng vấn, thí sinh không được ra ngoài phòng phỏng vấn. Nếu thí sinh có đau, ốm bất thường thì phải báo cáo thành viên Ban Kiểm tra, sát hạch và thành viên Ban Kiểm tra, sát hạch phải báo ngay cho Trưởng Ban Kiểm tra, sát hạch để xem xét, giải quyết.

13. Sau khi hoàn thành trả lời phỏng vấn, thí sinh nộp lại đề và giấy nháp chuẩn bị phỏng vấn cho thành viên Ban Kiểm tra, sát hạch, ký tên vào danh sách và ra khỏi khu vực phỏng vấn, không được mang bất cứ vật dụng gì của Hội đồng xét tuyển, Ban Kiểm tra, sát hạch ra khỏi phòng phỏng vấn.

Điều 2. Xử lý vi phạm đối với thí sinh

1. Thí sinh vi phạm nội quy phỏng vấn xét tuyển đều phải lập biên bản xử lý vi phạm và tùy theo mức độ vi phạm, thí sinh sẽ bị xử lý kỷ luật theo các hình thức sau:

a) Khiển trách: Hình thức kỷ luật khiển trách do thành viên Ban Kiểm tra, sát hạch lập biên bản, công bố công khai tại phòng phỏng vấn và áp dụng đối với thí sinh vi phạm một trong các lỗi sau:

- Cố ý ngồi không đúng chỗ theo hướng dẫn của Ban Kiểm tra, sát hạch
- Trao đổi với người khác đã bị nhắc nhở nhưng vẫn không chấp hành;
- Mang tài liệu vào phòng phỏng vấn nhưng chưa sử dụng.

b) Cảnh cáo: Hình thức kỷ luật cảnh cáo do thành viên Ban Kiểm tra, sát hạch lập biên bản, công bố công khai tại phòng phỏng vấn và áp dụng đối với thí sinh vi phạm một trong các lỗi sau:

- Sử dụng tài liệu trong phòng phỏng vấn
- Trao đổi giấy nháp chuẩn bị phỏng vấn với người khác
- Cho người khác chép nội dung chuẩn bị phỏng vấn hoặc chép nội dung chuẩn bị phỏng vấn của người khác.

- Sử dụng điện thoại di động, máy ghi âm, máy ảnh, máy vi tính và các phương tiện kỹ thuật thu, phát truyền tin, phương tiện sao lưu dữ liệu, thiết bị chứa đựng thông tin khác trong phòng phỏng vấn.

c) Đình chỉ phỏng vấn: Hình thức kỷ luật đình chỉ phỏng vấn do Trưởng ban Kiểm tra, sát hạch quyết định, công bố công khai tại phòng phỏng vấn và áp dụng đối với thí sinh vi phạm đã bị lập biên bản cảnh cáo nhưng vẫn cố tình vi phạm nội quy phỏng vấn.

d) Hủy kết quả phỏng vấn: Căn cứ vào báo cáo của Chủ tịch Hội đồng xét tuyển, Chủ tịch UBND huyện quyết định hủy bỏ kết quả phỏng vấn đối với thí sinh nhờ người khác thi hộ hoặc bị đình chỉ phỏng vấn.

đ) Thí sinh cố ý gây mất an toàn trong phòng phỏng vấn, ngoài việc bị đình chỉ và hủy kết quả phỏng vấn, tùy theo tính chất, mức độ còn bị xử lý theo quy định của pháp luật hình sự.

2. Các trường hợp Thí sinh vi phạm nội quy phỏng vấn bị lập biên bản thì thành viên Ban Kiểm tra, sát hạch và thí sinh phải cùng ký vào biên bản. Sau khi lập biên bản và công bố công khai tại phòng phỏng vấn, thành viên Ban Kiểm tra, sát hạch phải báo cáo ngay với Trưởng ban Kiểm tra, sát hạch. Trường hợp thí sinh vi phạm không ký biên bản vi phạm thì thành viên Ban Kiểm tra, sát hạch mời 02 thí sinh bên cạnh cùng ký xác nhận.

3. Thí sinh có quyền tố giác những người vi phạm nội quy phỏng vấn cho thành viên Ban Kiểm tra, sát hạch, Trưởng ban kiểm tra, sát hạch, Hội đồng xét tuyển, Ban giám sát kỳ xét tuyển.

4. Trừ điểm phỏng vấn:

a) Thí sinh vi phạm hình thức khiến trách sẽ bị trừ 25% kết quả điểm phỏng vấn.

b) Thí sinh vi phạm hình thức cảnh cáo sẽ bị trừ 50% kết quả điểm phỏng vấn.

Điều 3. Quy định đối với thành viên Ban Kiểm tra, sát hạch

1. Phải có mặt tại địa điểm phỏng vấn đúng giờ quy định. Trang phục gọn gàng, văn minh, lịch sự; đeo thẻ của Ban Kiểm tra, sát hạch.

2. Thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được giao theo nội quy kỳ xét tuyển. Cụ thể:

- Căn cứ danh sách thí sinh đã niêm yết tại phòng phỏng vấn, thực hiện phỏng vấn theo quy định.

- Tổ chức lập biên bản các túi đựng các phong bì đề phỏng vấn còn nguyên niêm phong.

- Bóc túi đựng các phong bì đề phỏng vấn và mời thí sinh chứng giám.

- Thực hiện đúng quy định về thời gian phỏng vấn các thí sinh để đảm bảo đánh giá đúng nội dung trả lời của thí sinh và cho điểm chính xác.

- Khi chấm điểm phỏng vấn, các thành viên chấm độc lập trên phiếu chấm điểm đối với từng thí sinh. Điểm phỏng vấn là điểm trung bình cộng của các thành viên tham gia chấm phỏng vấn. Trường hợp các thành viên chấm phỏng vấn chấm điểm chênh lệch nhau từ 5 điểm trở lên đến dưới 10 điểm thì Trưởng ban kiểm tra sát hạch trao đổi lại với các thành viên tham gia chấm phỏng vấn sau đó quyết định điểm phỏng vấn. Trường hợp các thành viên chấm

phòng vấn chấm điểm chênh lệch nhau từ 10 điểm trở lên thì Trưởng ban kiểm tra sát hạch báo cáo để Chủ tịch Hội đồng xét tuyển tổ chức đối thoại giữa các thành viên tham gia chấm phỏng vấn, sau đó quyết định điểm phỏng vấn.

- Kết quả chấm phỏng vấn phải được tổng hợp vào bảng kết quả có chữ ký của các thành viên chấm phỏng vấn và bàn giao cho Trưởng Ban kiểm tra, sát hạch. Trưởng Ban Kiểm tra, sát hạch bàn giao cho Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng xét tuyển, mời đại diện Công an, Ban Giám sát chứng kiến.

- Cuối buổi phỏng vấn, Ban Kiểm tra, sát hạch niêm phong đề, đáp án vào một phong bì để lưu trữ; lập biên bản bàn giao phiếu chấm phỏng vấn; Biểu tổng hợp điểm và các giấy tờ có liên quan cho Trưởng Ban Kiểm tra, sát hạch để bàn giao cho Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng xét tuyển, mời đại diện Công an, Ban Giám sát chứng kiến.

3. Giữ trật tự, không được hút thuốc, không được sử dụng điện thoại di động, máy ghi âm, máy ảnh, máy vi tính, các phương tiện kỹ thuật thu, phát truyền tin, phương tiện sao lưu dữ liệu, thiết bị chứa đựng, truyền tải thông tin khác trong phòng phỏng vấn.

4. Không được trao đổi riêng với bất kỳ thí sinh nào trong thời gian phỏng vấn.

Điều 4. Xử lý vi phạm đối với cán bộ, công chức, viên chức tham gia tổ chức phỏng vấn và cá nhân liên quan khác vi phạm nội quy phỏng vấn xét tuyển.

1. Người tham gia tổ chức phỏng vấn xét tuyển (Hội đồng xét tuyển, Ban Giám sát, các Ban giúp việc của Hội đồng xét tuyển) là cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm nội quy phỏng vấn xét tuyển thì ngoài việc bị đình chỉ làm công tác phỏng vấn xét tuyển còn bị xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức.

2. Cán bộ, công chức, viên chức không tham gia tổ chức phỏng vấn xét tuyển nhưng có các hành vi, như: phỏng vấn hộ, chuyển đề phỏng vấn ra ngoài, đưa lời giải vào cho thí sinh, đưa thông tin sai lệch gây ảnh hưởng xấu đến kỳ phỏng vấn, gây rối làm mất trật tự tại khu vực phỏng vấn bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức.

3. Người tham gia tổ chức phỏng vấn xét tuyển và những người có liên quan đến việc tổ chức phỏng vấn không phải là cán bộ, công chức, viên chức nếu có hành vi vi phạm nội quy phỏng vấn xét tuyển tùy theo tính chất, mức độ bị cơ quan, đơn vị hiện đang quản lý chấm dứt hợp đồng đã ký kết.

4. Người tham gia tổ chức phỏng vấn xét tuyển và những người có liên quan đến việc tổ chức phỏng vấn vi phạm nội quy phỏng vấn thì cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quản lý không để đảm nhiệm những công việc có liên quan

đến công tác tổ chức phỏng vấn xét tuyển từ 01 năm đến 03 năm kể từ năm có hành vi vi phạm./.

Nơi nhận:

- HĐXTVCSN GD&ĐT bậc MN;
- Ban Giám sát;
- Ban KTSH;
- Các bộ phận giúp việc của HĐXT;
- Các Thí sinh;
- Phòng NV (niêm yết tại trụ sở làm việc);
- VP HĐND & UBND (niêm yết công khai trên trang điện tử);
- Lưu: HĐXTMN.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN
Hồ Vũ Thường

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ TUYỂN VÒNG 2
(Phòng phỏng vấn số 01)

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ảnh	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Tin học	Ngoại ngữ (Anh văn)	Chức danh đăng ký dự tuyển	Mã số dự xét tuyển	Đổi tương ưu tiên	Ghi chú
1	001	Cao Thị Vân	Ảnh	3/10/1994	Nữ	Xã Mai Hóa - Tuyên Hóa	DHGD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
2	002	Đinh Thị Lan	Ảnh	25/6/1989	Nữ	TT Quy Đạt - Minh Hóa	Cử nhân GDMN	Kỹ thuật viên	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
3	003	Nguyễn Thị	Ảnh	28/8/1989	Nữ	Xã Sơn Hóa - Tuyên Hóa	Trung cấp SPMN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
4	004	Nguyễn Thị Lan	Ảnh	10/11/1993	Nữ	Xã Tân Hóa, Minh Hóa	CN GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
5	005	Trần Thị Lan	Ảnh	12/11/1998	Nữ	Xã Nam Hóa, Tuyên Hóa	CD GD Mầm non	UDCNTT	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
6	006	Đâu Thị Ngọc	Ảnh	21/8/1995	Nữ	Xã Cao Quảng, Tuyên Hóa	CN GD mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
7	007	Đinh Thị Ngọc	Ảnh	12.01.1992	Nữ	Xã Yên Hóa - Minh Hóa	CDGD Mầm non	UDCNTT CB	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
8	008	Đinh Thị Ngọc	Ảnh	20.06.1996	Nữ	Xã Lê Hóa - Tuyên Hóa	Cử nhân GDMN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
9	009	Nguyễn Thị Ngọc	Ảnh	22.12.1994	Nữ	Xã Hương Hóa - Tuyên Hóa	BH GDMN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
10	010	Hoàng Thị	Bé	20.2.1993	Nữ	Xã Đức Hóa - Tuyên Hóa	TCSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
11	011	Lương Thị	Bé	25.7.1996	Nữ	Xã Hương Hóa - Tuyên Hóa	DHGD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
12	012	Nguyễn Thị Kim	Bé	01.04.1996	Nữ	Xã Đức Hóa - Tuyên Hóa	Cử nhân GD MN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Con BB	
13	013	Phạm Thị	Bình	25/10/1995	Nữ	Xã Kim Hóa, Tuyên Hóa	CN GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
14	014	Đinh Thị Kim	Búp	10/12/1990	Nữ	Xã Hóa Tiến, Minh Hóa	CN GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Con BB	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Tin học	Ngoại ngữ (Anh văn)	Chức danh đăng ký dự tuyển	Mã số dự xét tuyển	Đổi tương ưu tiên	Ghi chú
15	015	Đinh Thị Kim	07.07.1992	Nữ	Xã Hòa Hợp - Minh Hóa	Cử nhân GD MN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
16	016	Nguyễn Thị Kim	10/9/1992	Nữ	Xã Kim Hóa, Tuyên Hóa	CB DG Mầm non	CN TTCB	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
17	017	Trương Thị Thùy	27.04.1996	Nữ	TT Đông Lê - Tuyên Hóa	TCCSP Mầm non	B	A2	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
18	018	Đinh Thị Kim	18.07.1995	Nữ	Xã Hòa Thanh - Minh Hóa	TCCSP Mầm non	B	C	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
19	019	Nguyễn Hồng	01.5.1995	Nữ	Xã Đông Hóa - Tuyên Hóa	TCCSP Mầm non	CN TTCB	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
20	020	Cao Thị	18.05.1994	Nữ	Xã Hồng Hóa - Minh Hóa	Cử nhân GDMN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
21	021	Cao Thị Kim	14.09.1989	Nữ	TT Đông Lê - Tuyên Hóa	TCCSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
22	022	Nguyễn Thị	10/3/1994	Nữ	Xã Thanh Hóa, Tuyên Hóa	CN GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
23	023	Võ Thị	16.11.1994	Nữ	Xã Quảng Trung - Thị xã Ba Đồn	Đại học GD MN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
24	024	Đinh Thị Lan	03.08.199	Nữ	TT Quy Đạt - Minh Hóa	CBGD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
25	025	Lê Thị Cẩm	10.01.1990	Nữ	TTĐông Lê - Tuyên Hóa	TCCSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
26	026	Mai Thị Khánh	17.10.1994	Nữ	Xã Thanh Hóa - Tuyên Hóa	TCCSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
27	027	Nguyễn Thị	19.04.1991	Nữ	Xã Mai Hóa - Tuyên Hóa	Cử nhân GDMN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
28	028	Hoàng Đạt	24.07.1997	Nữ	Xã Châu Hóa - Tuyên Hóa	Cử nhân GD MN	CN TTCB	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN

Hồ Vũ Thường

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ TUYỂN VÒNG 2
(Phòng phỏng vấn số 02)

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Tin học	Ngoại ngữ (Anh văn)	Chức danh đăng ký dự tuyển	Mã số dự xét tuyển	Đổi tương đương ưu tiên	Ghi chú
1	029	Trần Thị Xuân	28.03.1996	Nữ	Xã Kim Hóa - Tuyên Hóa	TCSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
2	030	Đinh Thị	20.08.1996	Nữ	Xã Hồng Hóa - Minh Hóa	Cử nhân GD MN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Con TB	
3	031	Đinh Thị Hương	2/5/1998	Nữ	TT Quy Đạt, Minh Hóa	GD GD Mầm non	UDC/NNT T	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
4	032	Đinh Thị Linh	23.9.1993	Nữ	TT Quy Đạt - Minh Hóa	TCSP Mầm non	CNNT CB	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
5	033	Hoàng Thị An	10.09.1997	Nữ	Xã Kim Hóa - Tuyên Hóa	TCSP Mầm non	UDC/NNT TCB	C	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
6	034	Nguyễn Thị Cẩm	28.05.1997	Nữ	Xã Thạch Hóa - Tuyên Hóa	TCSP Mầm non	CNNT CB	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
7	035	Nguyễn Thị Lê	20/7/1997	Nữ	Phường Ba Đồn, TX Ba Đồn	CN GD Mầm non	UDC/NNT TCB	B1	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
8	036	Trần Thị	01.01.1996	Nữ	Xã Kim Hóa - Tuyên Hóa	Trung cấp GDMN	UD CNNT CNNT CB	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
9	037	Cao Thị	15.11.1994	Nữ	Xã Tân Hóa - Minh Hóa	DHSP Mầm non	CNNT CB	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
10	038	Đặng Thị Thu	13/1/1997	Nữ	Xã Châu Hóa, Tuyên Hóa	CN GD mầm non	UDC/NNT T	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
11	039	Đinh Thị	22.06.1997	Nữ	Xã Hồng Hóa - Minh Hóa	GDGD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
12	040	Đinh Thu	18.10.1994	Nữ	Xã Yên Hóa, Minh Hóa	DHSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
13	041	Hoàng Thị	28/2/1996	Nữ	Xã Vinh Ninh, Quảng Ninh	GD GD Mầm non	UDC/NNT T	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
14	042	Lê Thị Thu	6/6/1994	Nữ	Xã Sơn Hóa, Tuyên Hóa	CN GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
15	043	Lê Thị Thu	10.06.1996	Nữ	Xã Thạch Hóa - Tuyên Hóa	TCSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Tin học	Ngoại ngữ (Anh văn)	Chức danh đăng ký dự tuyển	Mã số dự xét tuyển	Đổi tương ưu tiên	Ghi chú
16	044	Thái Thị Hà	10/2/1990	Nữ	Xã Trung Hòa, Minh Hòa	CN GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
17	045	Trần Huyền Nguyệt Hà	29.03.1995	Nữ	TP Đông Hới, Quảng Bình	CDGD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
18	046	Trần Thị Hà	19.11.1983	Nữ	Xã Trung Hòa - Minh Hòa	Cư nhân GD MN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
19	047	Cao Thị Mỹ Hạnh	20.12.1997	Nữ	TTQuy Đạt - Minh Hòa	CDGD Mầm non	UDCNT TCB	B1	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
20	048	Cao Thị Mỹ Hạnh	17.10.1996	Nữ	Hương Khê - Hà Tĩnh	Cư nhân GDMN	UDCNT TCB	Bậc 3	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
21	049	Nguyễn Thị Hạnh	1/2/1988	Nữ	Xã Phong Hóa, Tuyên Hóa	CN GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
22	050	Nguyễn Thị Minh Hạnh	13.09.1997	Nữ	Xã Châu Hóa - Tuyên Hóa	Cư nhân GD MN	CNITT CB	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
23	051	Trần Thị Mỹ Hạnh	20.10.1994	Nữ	Xã Tiến Hóa - Tuyên Hóa	DHSP Mầm non	A	TA A1	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
24	052	Dương Thị Hạnh	1/2/1992	Nữ	Xã Hương Hóa, Tuyên Hóa	CD GD Mầm non	UDCNT T	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
25	053	Đặng Thị Thu Hạnh	04.4.1995	Nữ	Xã Tiến Hóa - Tuyên Hóa	DHSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
26	054	Đỗ Thị Thủy Hạnh	29.07.1998	Nữ	TTQuy Đạt - Minh Hòa	CDGD Mầm non	UDCNT TCB	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
27	055	Lê Diệu Hằng	26/4/1994	Nữ	Xã Nam Hóa, Tuyên Hóa	CN GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
28	056	Nguyễn Thị Diệu Hằng	20.4.1995	Nữ	Xã Ngư Hóa - Tuyên Hóa	DHSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN

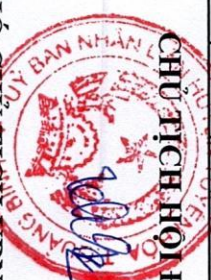
Hồ Vũ Thường

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ TUYỂN VÒNG 2
(Phòng phỏng vấn số 03)

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Tin học	Ngoại ngữ (Anh văn)	Chức danh đăng ký dự tuyển	Mã số dự xét tuyển	Đổi tương ưu tiên	Ghi chú
1	057	Nguyễn Thị Thúy	3/3/1984	Nữ	TT Đông Lê, Tuyên Hóa	CN GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
2	058	Phan Thị	12/2/1990	Nữ	Xã Thanh Hóa, Tuyên Hóa	TC GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
3	059	Phan Thị Thúy	24.12.1995	Nữ	Xã Châu Hóa - Tuyên Hóa	DH GDMN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
4	060	Cao Thị	16.07.1995	Nữ	Xã Sơn Hóa - Tuyên Hóa	Cử nhân GDMN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
5	061	Cao Thị Thu	18/5/1998	Nữ	Xã Trung Hóa, Minh Hóa	CB GD Mầm non	UDCNT T	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
6	062	Đình Thị Thu	9/10/1993	Nữ	Xã Xuân Hóa, Minh Hóa	CN GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
7	063	Đoàn Thị	15/10/1991	Nữ	TT Đông Lê, Tuyên Hóa	CN GD Mầm non	UDCNT T	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
8	064	Hà Thị	29/11/1992	Nữ	Xã Mai Hóa, Tuyên Hóa	TC GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
9	065	Hà Thị	10.02.1987	Nữ	Xã Mai Hóa - Tuyên Hóa	CBGD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
10	066	Hoàng Thị	24/4/1993	Nữ	Xã Quảng Tiến, Quảng Trạch	DH GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
11	067	Nguyễn Thị	10/4/1996	Nữ	Xã Đức Hóa, Tuyên Hóa	CN GD mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
12	068	Nguyễn Thị Thu	17.11.1993	Nữ	Xã Phong Hóa - Tuyên Hóa	TCSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
13	069	Trần Thị	10.05.1995	Nữ	Xã Đông Hóa - Tuyên Hóa	Đại học GD MN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
14	070	Trương Thị Thu	3/9/1995	Nữ	Xã Minh Hóa, Minh Hóa	CB DG Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Tin học	Ngoại ngữ (Anh văn)	Chức danh đăng ký dự tuyển	Mã số dự xét tuyển	Đổi tương ưu tiên	Ghi chú
15	071	Nguyễn Thị Hiệp	18/4/1993	Nữ	Xã Tiến Hóa, Tuyên Hóa	DH GD Mầm non	A	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
16	072	Đình Thị Hiếu	08.01.1986	Nữ	Xã Trung Hóa - Minh Hóa	Cử nhân GDMN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Con BB	
17	073	Nguyễn Thị Thanh Hiếu	19.3.1994	Nữ	Xã Văn Hóa - Tuyên Hóa	TCSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
18	074	Đình Thị Hiệu	08.09.1995	Nữ	Xã Hồng Hóa - Minh Hóa	DH GDMN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
19	075	Cao Thị Hoa	10.6.1993	Nữ	Xã Đức Hóa - Tuyên Hóa	TCSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
20	076	Cao Thị Hoa	28.11.1988	Nữ	Xã Trung Hóa - Minh Hóa	DH GDMN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
21	077	Đình Thị Kim Hoa	26.11.1995	Nữ	TT Quy Đạt - Minh Hóa	CĐSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
22	078	Hà Thị Thu Hoài	10/11/1996	Nữ	Xã Mai Hóa, Tuyên Hóa	TC SP Mầm non	B	A2	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
23	079	Nguyễn Thị Hoài	16/6/1997	Nữ	Xã Tiến Hóa, Tuyên Hóa	DH GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
24	080	Nguyễn Thị Thu Hoài	11/2/1991	Nữ	Xã Thuận Hóa, Tuyên Hóa	CN GD Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
25	081	Phạm Thị Thanh Hoàng	16/2/1983	Nữ	Xã Lâm Hóa, Tuyên Hóa	TC GD Mầm non	A	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
26	082	Đình Thị Kim Hồng	02.03.1994	Nữ	Xã Đức Hóa - Tuyên Hóa	DH GDMN	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	
27	083	Hà Thị Hồng	10.04.1987	Nữ	Xã Sơn Hóa - Tuyên Hóa	TC SP Mầm non	A	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Con TB	
28	084	Mai Thị Hồng	06.10.1991	Nữ	Xã Đông Hóa - Tuyên Hóa	TCSP Mầm non	B	B	Giáo viên MN hạng IV; mã số V.07.02.06	MN.01	Không	

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN

Hồ Vũ Thường